

QUYẾT ĐỊNH

**V/v giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ;*

*Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-BGTVT ngày 23/4/2019 của Bộ Giao
thông vận tải về việc điều chuyển đoạn tuyến QL 24 cũ, đoạn qua địa bàn tỉnh
Kon Tum thành đường địa phương.*

*Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-BTC ngày 13 tháng 02 năm 2023 Bộ Tài
Chính về việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các đoạn
tuyến Quốc lộ 24 cũ về Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quản lý theo quy định;*

*Căn cứ Công văn số 993/CĐBVT-TC ngày 22 tháng 02 năm 2023 của
Cục Đường bộ Việt Nam về việc triển khai bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ
tầng trên đoạn tuyến QL.24 cũ đoạn qua địa bàn tỉnh Kon Tum về địa phương
quản lý;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 529/SGTVT-
QLKCHTGT ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc tiếp nhận quản lý, bảo trì và khai
thác sử dụng các đoạn tuyến Quốc lộ 24 cũ; ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện
Kon Rẫy tại Công văn số 289/UBND-TH ngày 20 tháng 3 năm 2023 và ý kiến của
Sở Tài chính tại Công văn số 883/STC-QLGCS ngày 17 tháng 3 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các đoạn tuyến Quốc lộ 24 cũ từ Km142+760 - Km155+580 (bao gồm 8 đoạn tuyến và cầu Đăk Năng Km143+206). Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, hạch toán tăng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường bộ.

- Có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo trì các tài sản được giao tại Điều 1 theo đúng quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Cục Quản lý đường bộ III và Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy tiếp nhận và ban giao cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy quản lý, khai thác, bảo trì các tài sản nêu trên theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin, số liệu liên quan đến tài sản được tiếp nhận và giao cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy và Thủ trưởng các đơn vị liên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP (đ/b);
- Lưu: VT, HTKT.TVL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục
GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 222 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Danh mục tài sản			Đơn vị tính	Khối lượng	Năm sử dụng	Diện tích (m2)		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại đến 31/12/2021 (đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Diện tích đất	Diện tích sử dụng				
	Các đoạn tuyến Quốc lộ 24 cũ Tổng cộng 2,35Km (trong đó: 2,325Km đường và 0,025Km dài cầu)			Km	2,35				43.305.000.000	32.911.800.000		Huyện Kon Rẫy
a)	Đường và công trình phụ trợ gắn liền với đường			Km	2,33				38.130.000.000	28.978.800.000		
1	Km142+760	-	Km142+970	Km	0,185	2013			3.034.000.000	2.305.840.000	Đang sử dụng	
2	Km144+870	-	Km145+200	Km	0,330	2013			5.412.000.000	4.113.120.000		
3	Km145+800	-	Km146+200	Km	0,400	2013			6.560.000.000	4.985.600.000		
4	Km146+200	-	Km146+500	Km	0,300	2013			4.920.000.000	3.739.200.000		
5	Km146+590	-	Km147+050	Km	0,460	2013			7.544.000.000	5.733.440.000		
6	Km148+180	-	Km148+330	Km	0,150	2013			2.460.000.000	1.869.600.000		
7	Km151+480	-	Km151+700	Km	0,220	2013			3.608.000.000	2.742.080.000		
8	Km155+300	-	Km155+580	Km	0,280	2013			4.592.000.000	3.489.920.000		
b)	Phần cầu đường bộ và các công trình gắn liền với cầu			m2	225				5.175.000.000	3.933.000.000		
-	Cầu Đắk Năng, Km143+206; L=25m			m2	225	2013			5.175.000.000	3.933.000.000	Đang sử dụng	